

VIỆT NAM
DÂN CHỦ CỘNG HÒA

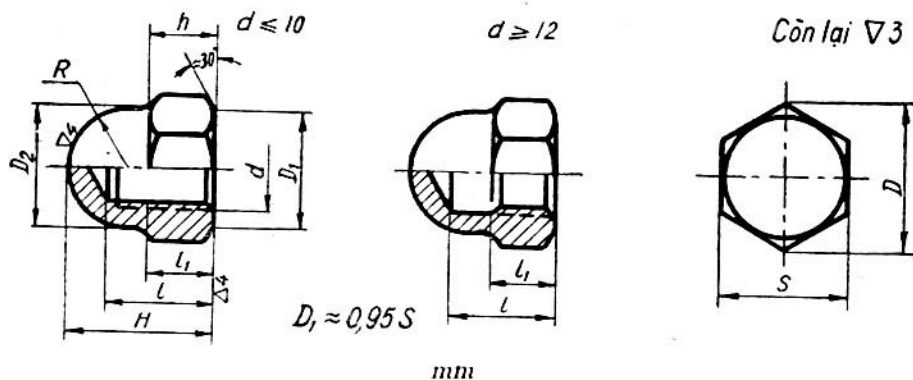
ỦY BAN KHOA HỌC VÀ
KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC

Viện Đo lường và
Tiêu chuẩn

MŨ ỐC
Kích thước

TCVN 333 - 69

1. Kích thước của mũ ốc phải theo chỉ dẫn ở hình vẽ trên bảng.



mm

d		5	6	8	10	12	16	20	24
Bước ren	lớn	9,8	1	1,25	1,5	1,75	2	2,5	3
	nhỏ	—	—	1	1,25	1,25	1,5	1,5	2
S	Kích thước danh nghĩa	8	10	14	17	19	21	30	36
	Sai lệch cho phép	-0,2		-0,21		-0,28		-0,34	
H	Kích thước danh nghĩa	10	12	15	18	22	28	34	38
	Sai lệch cho phép	-0,36	-0,43		-0,52		-0,62		
D ≈		9,2	11,5	16,2	19,6	21,9	27,7	34,6	41,6
h		4	5	6	8	10	13	16	19
D ₂		7,8	9,5	13	16	18	23	28	34
l	Kích thước danh nghĩa	7	8	11	13	16	21	26	29
	Sai lệch cho phép	±0,3		±0,35		±0,4			
l ₁		3,8	4	6	7	9	13	16	19
Độ lệch tâm của lỗ		0,2		0,24		0,28		0,34	

Vi dụ ký hiệu quy ước của mũ ốc có đường kính ren $d = 20\text{mm}$:

ren bước lớn: Mũ ốc M20 TCVN 333-69;

ren bước nhỏ 1,5mm: Mũ ốc M20 × 1,5 TCVN 333-69.

2. Ren—theo TCVN 45-63; dung sai ren—theo TCVN 46-63.

3. Kích thước phần cuối ren, rãnh lùi dao và cạnh vát theo TCVN 48-63. Dung sai đối với đường kính và chiều rộng rãnh lùi dao—theo cấp chính xác 5.

4. Yêu cầu kỹ thuật—theo TCVN 124-63.

Viện Đo lường và Tiêu chuẩn
biên soạn

Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước
duyet y ngày 28-12-1969

Có hiệu lực
từ 1-1-1971